

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục và quy trình điện tử, quy trình nội bộ thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại bộ phận một cửa và cổng dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1198/QĐ-BVHTTDL ngày 22/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 776/TTr-SVHTTDL ngày 01 tháng 6 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục và quy trình điện tử, quy trình nội bộ thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch, cụ thể:

- Danh mục TTHC cấp tỉnh mới ban hành: 02 thủ tục.

- Danh mục TTHC cấp xã mới ban hành: 01 thủ tục.
- Danh mục TTHC cấp tỉnh được sửa đổi, bổ sung cấp tỉnh: 03 thủ tục.
- Danh mục TTHC cấp xã được sửa đổi, bổ sung cấp xã: 02 thủ tục.
- Danh mục TTHC cấp tỉnh bị bãi bỏ: 12 thủ tục.
- Danh mục TTHC cấp xã bị bãi bỏ: 03 thủ tục.
- Quy trình TTHC cấp tỉnh, cấp xã mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung: 08 quy trình.

(Phụ lục danh mục và quy trình TTHC kèm theo)

Trường hợp thủ tục hành chính công bố tại Quyết định này đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ thì áp dụng thực hiện theo văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Thời điểm áp dụng các thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định này thực hiện theo hiệu lực thi hành quy định tại Điều 7 Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ.

Các thủ tục hành chính tương ứng đã công bố tại các Quyết định số 901/QĐ-UBND ngày 20/3/2025; Quyết định số 2143/QĐ-UBND ngày 24/6/2026; Quyết định số 338/QĐ-UBND ngày 09/7/2025; Quyết định số 241/QĐ-UBND ngày 20/01/2026; Quyết định số 728/QĐ-UBND ngày 24/02/2026; Quyết định số 1543/QĐ-UBND ngày 20/4/2026; Quyết định số 03/QĐ-UBND ngày 04/5/2026; Quyết định số 109/QĐ-UBND ngày 12/5/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (nay là UBND thành phố) hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm tổ chức niêm yết, công khai danh mục thủ tục hành chính này tại trụ sở làm việc, trên Trang thông tin điện tử và tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của đơn vị; triển khai thực hiện việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức theo quy định tại Quyết định này.

2. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện cập nhật, cấu hình quy trình giải quyết thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo quy định.

3. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các cơ quan, đơn vị liên quan đảm bảo Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của thành phố được kết nối, đồng bộ dữ liệu giải quyết thủ tục hành chính từ Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Văn hóa, Thể

thao và Du lịch để tra cứu, khai thác, theo dõi, thống kê, tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện thủ tục hành chính tại địa phương.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND thành phố; Giám đốc các Sở: Khoa học và Công nghệ; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố, Chủ tịch UBND các phường, xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục KSTTHC (Bộ Tư pháp);
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND thành phố;
- Chánh, các Phó CVP UBND thành phố;
- Lưu: VT, KGVX, HCC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thị Hoàng

Phụ lục I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VÀ BỊ BÃI BỎ
TRONG MỘT SỐ LĨNH VỰC THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC
CỦA NGÀNH VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 595/QĐ-UBND ngày 04 tháng 6 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Nai)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH MỚI BAN HÀNH

STT	Mã thủ tục	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thẩm quyền quyết định	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến	
								Toàn trình	Một phần
I. LĨNH VỰC BÁO CHÍ									
1		Thủ tục chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong Giấy phép mở chuyên trang của báo chí điện tử (cho cơ quan báo chí của địa phương)	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn); nộp trực tiếp hoặc qua bưu điện đến Trung tâm Phục vụ Hành chính công thành phố Đồng Nai	Không quy định	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	- Luật Báo chí số 103/2016/QH13. -Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT ngày 24/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn việc cấp giấy phép hoạt động báo in, tạp chí in và báo điện tử, tạp chí điện tử, xuất bản thêm ấn phẩm, thực hiện hai loại hình báo chí, mở chuyên trang của báo điện tử và tạp	X	

							chí điện tử, xuất bản phụ trương, xuất bản bản tin, xuất bản đặc san. - Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.		
II. LĨNH VỰC PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH VÀ THÔNG TIN ĐIỆN TỬ									
2		Thủ tục chấp thuận nội dung thay đổi biểu tượng kênh ghi trong giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước bao gồm kênh chương trình chuyên quảng cáo (cho cơ quan Báo và phát thanh, truyền hình tỉnh, thành phố)	10 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn); nộp trực tiếp hoặc qua bưu điện đến Trung tâm Phục vụ Hành chính công thành phố Đồng Nai	Không quy định	- Cơ quan có thẩm quyền: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Cơ quan thực hiện: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	- Luật Báo chí số 103/2016/QH13; - Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình; - Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 06/2016/NĐ-CP	X	

						ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình; - Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy Chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP; - Thông tư số 05/2023/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-		
--	--	--	--	--	--	--	--	--

						BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình; - Nghị định số 342/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quảng cáo; - Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về phân		
--	--	--	--	--	--	---	--	--

							quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.		
--	--	--	--	--	--	--	---	--	--

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ MỚI BAN HÀNH

STT	Mã thủ tục	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thẩm quyền quyết định	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến	
								Toàn trình	Một phần
I. LĨNH VỰC XUẤT BẢN, IN VÀ PHÁT HÀNH									
3		Khai báo hoạt động phát hành xuất bản phẩm	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn); nộp trực tiếp hoặc qua bưu điện đến Trung tâm Phục vụ Hành chính công thành phố Đồng Nai	Không quy định	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp xã. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp xã.	- Luật Xuất bản ngày 20 tháng 11 năm 2012; -Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản; -Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy	X	

						định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xuất bản; -Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP		
--	--	--	--	--	--	--	--	--

						ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xuất bản. -Nghị định số 138/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch. - Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.		
--	--	--	--	--	--	---	--	--

C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

STT	Mã thủ tục	Tên TTHC	Thời hạn	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thẩm quyền quyết định	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến
-----	------------	----------	----------	--------------------	-------------	-----------------------	----------------	-------------------------

			giải quyết					Toàn trình	Một phần
I. LĨNH VỰC BÁO CHÍ									
1	1.013784	Thủ tục chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản thêm ấn phẩm báo chí (cho cơ quan báo chí của địa phương)	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn); nộp trực tiếp hoặc qua bưu điện đến Trung tâm Phục vụ Hành chính công thành phố Đồng Nai	Không quy định	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	-Luật Báo chí số 103/2016/QH13. -Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT ngày 24/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn việc cấp giấy phép hoạt động báo in, tạp chí in và báo điện tử, tạp chí điện tử, xuất bản thêm ấn phẩm, thực hiện hai loại hình báo chí, mở chuyên trang của báo điện tử và tạp chí điện tử, xuất bản phụ trương, xuất bản bản tin, xuất bản đặc san. -Nghị định số 138/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp	X	

						trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch. <i>-Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.</i>		
II. LĨNH VỰC XUẤT BẢN, IN VÀ PHÁT HÀNH								
2	2.001740	Xác nhận đăng ký hoạt động in (cấp tỉnh)	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn); nộp trực tiếp hoặc qua bưu điện đến Trung tâm Phục vụ Hành chính công thành phố Đồng Nai	Không quy định	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	-Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in; -Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28/02/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in;	X

						-Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04/10/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in và Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28/2/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in; -Nghị định số 116/2026/NĐ-CP ngày 02/4/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có quy định thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm		
--	--	--	--	--	--	---	--	--

						vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. -Nghị quyết số 18/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. -<i>Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.</i>		
3	2.001737	Xác nhận thay đổi thông tin đăng ký hoạt động in (cấp tỉnh)	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được	Nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn); nộp trực tiếp hoặc qua bưu điện đến Trung tâm Phục vụ Hành chính công thành phố Đồng Nai	Không quy định	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Cơ quan trực tiếp thực hiện:	-Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in;	

			hồ sơ hợp lệ.			Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. -Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28/02/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in; -Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04/10/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in và Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28/2/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in;		
--	--	--	------------------	--	--	---	--	--

						-Nghị định số 116/2026/NĐ-CP ngày 02/4/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có quy định thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. -Nghị quyết số 18/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. <i>-Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về phân</i>		
--	--	--	--	--	--	--	--	--

							quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.		
--	--	--	--	--	--	--	---	--	--

C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

I. LĨNH VỰC XUẤT BẢN, IN VÀ PHÁT HÀNH									
4	3.000569	Xác nhận đăng ký hoạt động in (cấp xã)	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn); nộp trực tiếp hoặc qua bưu điện đến Trung tâm Phục vụ Hành chính công thành phố Đồng Nai	Không quy định	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp xã. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.	-Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in; -Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28/02/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in; -Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04/10/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của	X	

						Chính phủ quy định về hoạt động in và Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28/2/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in; -Nghị định số 116/2026/NĐ-CP ngày 02/4/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có quy định thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. -Nghị quyết số 18/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp,		
--	--	--	--	--	--	--	--	--

							đơn giản hóa thủ tục hành chính, cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. <i>-Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.</i>		
5	3.000570	Xác nhận thay đổi thông tin đăng ký hoạt động in (cấp xã)	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn); nộp trực tiếp hoặc qua bưu điện đến Trung tâm Phục vụ Hành chính công thành phố Đồng Nai	Không quy định	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp xã. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.	-Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in; -Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28/02/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của		

						Chính phủ quy định về hoạt động in; -Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04/10/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in và Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28/2/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in; -Nghị định số 116/2026/NĐ-CP ngày 02/4/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có quy định thủ tục hành chính liên		
--	--	--	--	--	--	---	--	--

						quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. -Nghị quyết số 18/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. <i>-Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.</i>		
--	--	--	--	--	--	---	--	--

D. DANH MỤC TTHC BỊ BÃI BỎ

1. Nhóm TTHC bị bãi bỏ từ ngày 01/7/2026 đến ngày 28/02/2027

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Quyết định công bố
I	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH			
1.	1.000963	Thủ tục cấp giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke	Văn hóa	Quyết định số 241/QĐ-UBND ngày 20/01/2026
2.	1.001029	Thủ tục cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke	Văn hóa	Quyết định số 1543/QĐ-UBND ngày 20/4/2026
3.	1.001008	Thủ tục cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường	Văn hóa	Quyết định số 1543/QĐ-UBND ngày 20/4/2026
4.	1.000922	Thủ tục cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường	Văn hóa	Quyết định số 241/QĐ-UBND ngày 20/01/2026
II	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LIÊN THÔNG CẤP XÃ			
5.	1.014475	Thủ tục hành chính liên thông điện tử về cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke	Văn hóa	Quyết định số 1543/QĐ-UBND ngày 20/4/2026

2. Nhóm TTHC bị bãi bỏ từ ngày 20/5/2026 đến ngày 28/02/2027

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Quyết định công bố
I	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH			
1.	1.013786	Thủ tục cấp giấy phép sửa đổi, bổ sung những nội dung giấy phép xuất bản phụ trương đối với cơ quan báo chí của địa phương	Báo chí	Quyết định số 2143/QĐ-UBND ngày 24/6/2025
2.	1.013787	Thủ tục chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản phụ trương đối với cơ quan báo chí của địa phương	Báo chí	Quyết định số 2143/QĐ-UBND ngày 24/6/2025
3.	1.013783	Thủ tục cấp giấy phép sửa đổi, bổ sung những nội dung ghi trong giấy phép xuất bản thêm ấn phẩm đối với cơ quan báo chí của địa phương	Báo chí	Quyết định số 2143/QĐ-UBND ngày 24/6/2025

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Quyết định công bố
4.	2.001171	Cho phép hợp báo trong nước (địa phương)	Báo chí	Quyết định số 901/QĐ-UBND ngày 20/3/2025
5.	2.001173	Cho phép hợp báo nước ngoài (địa phương)	Báo chí	Quyết định số 901/QĐ-UBND ngày 20/3/2025
6.	1.003725	Cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh (địa phương)	XB, IN & PH	Quyết định số 338/QĐ-UBND ngày 09/7/2025
7.	1.003114	Thủ tục cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm	XB, IN & PH	Quyết định số 03/QĐ-UBND ngày 04/5/2026
8.	1.008201	Cấp lại giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm	XB, IN & PH	Quyết định số 03/QĐ-UBND ngày 04/5/2026
9.	1.004260	Cấp lại giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm	XB, IN & PH	Quyết định số 109/QĐ-UBND ngày 12/5/2026
10.	1.014861	Thủ tục sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo (cấp tỉnh)	PTTH& TTĐT	Quyết định số 728/QĐ-UBND ngày 24/02/2026

Phụ lục II
QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ, QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VÀ BỊ BÃI BỎ TRONG MỘT SỐ LĨNH VỰC THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA NGÀNH VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

A. MỚI BAN HÀNH CẤP TỈNH

I. LĨNH VỰC BÁO CHÍ

1. Thủ tục chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong Giấy phép mở chuyên trang của báo chí điện tử (đối với cơ quan báo chí của địa phương) (Mã số: chưa có mã)

a. Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc

b. Lưu đồ giải quyết:

Các bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (10 ngày làm việc)	Phí, lệ phí
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức, cá nhân	Bộ phận nhận hồ sơ của Sở VH TTDL	0.5 ngày làm việc	Không
Bước 2	Thẩm định, giải quyết hồ sơ <i>(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có có văn bản thông báo cụ thể)</i>	Phòng Quản lý Báo chí và Xuất bản	7.5 ngày làm việc	
Bước 3	Phê duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Phòng	0.5 ngày làm việc	
Bước 4	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở VH TTDL	0.5 ngày làm việc	
Bước 5	Nhận văn bản và trả lời Văn phòng UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	0.5 ngày làm việc	
Bước 6	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo UBND tỉnh	0.5 ngày làm việc	
Bước 7	Nhận và trả kết quả cho cá nhân/tổ chức	Bộ phận trả chuyển hồ sơ Sở VH TTDL	0.5 ngày làm việc	

II. LĨNH VỰC PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH VÀ THÔNG TIN ĐIỆN TỬ

2. Thủ tục chấp thuận nội dung thay đổi biểu tượng kênh ghi trong giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước bao gồm kênh chương trình chuyên quảng cáo (cho cơ quan Báo và phát thanh, truyền hình tỉnh, thành phố) (Mã số: chưa có mã)

a. Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc

b. Lưu đồ giải quyết:

Các bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (10 ngày làm việc)	Phí, lệ phí
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức, cá nhân	Bộ phận nhận hồ sơ của Sở VH TTDL	0.5 ngày làm việc	Không
Bước 2	Thẩm định, giải quyết hồ sơ (<i>Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có có văn bản thông báo cụ thể</i>)	Phòng Quản lý Báo chí và Xuất bản	7.5 ngày làm việc	
Bước 3	Phê duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Phòng	0.5 ngày làm việc	
Bước 4	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở VH TTDL	01 ngày làm việc	
Bước 5	Nhận và trả kết quả cho cá nhân/tổ chức	Bộ phận trả chuyển hồ sơ Sở VH TTDL	0.5 ngày làm việc	

B. MỜI BAN HÀNH CẤP XÃ

III. LĨNH VỰC XUẤT BẢN, IN VÀ PHÁT HÀNH

3. Thủ tục khai báo hoạt động phát hành xuất bản phẩm (Mã số: chưa có mã)

a. Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc

b. Lưu đồ giải quyết:

Các bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (03 ngày làm việc)	Phí, lệ phí
----------	--------------------	------------------	--	-------------

Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức, cá nhân	Bộ phận nhận hồ sơ UBND cấp xã	02 giờ làm việc	Không
Bước 2	Thẩm định, giải quyết hồ sơ (<i>Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có có văn bản thông báo cụ thể</i>)	Phòng chuyên môn	02 ngày làm việc	
Bước 3	Phê duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Phòng chuyên môn	1/4 ngày làm việc	
Bước 4	Ký duyệt	Lãnh đạo UBND cấp xã	1/4 ngày làm việc	
Bước 5	Nhận và trả kết quả cho cá nhân/tổ chức	Bộ phận trả chuyển hồ sơ UBND cấp xã	02 giờ làm việc	

C. SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CẤP TỈNH

IV. LĨNH VỰC BÁO CHÍ

1. Thủ tục chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản thêm ấn phẩm báo chí (cho cơ quan báo chí của địa phương) (Mã số: 1.013784)

a. Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc

b. Lưu đồ giải quyết:

Các bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (10 ngày làm việc)	Phí, lệ phí
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức, cá nhân	Bộ phận nhận hồ sơ của Sở VH TTDL	0.5 ngày làm việc	Không
Bước 2	Thẩm định, giải quyết hồ sơ (<i>Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có có văn bản thông báo cụ thể</i>)	Phòng Quản lý Báo chí và Xuất bản	07 ngày làm việc	
Bước 3	Phê duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Phòng	0.5 ngày làm việc	

Bước 4	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở VH TTDL	0.5 ngày làm việc	
Bước 5	Nhận văn bản và trả lời Văn phòng UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	0.5 ngày làm việc	
Bước 6	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo UBND tỉnh	0.5 ngày làm việc	
Bước 7	Nhận và trả kết quả cho cá nhân/tổ chức	Bộ phận trả chuyển hồ sơ Sở VH TTDL	0.5 ngày làm việc	

V. LĨNH VỰC XUẤT BẢN, IN VÀ PHÁT HÀNH

2. Thủ tục xác nhận đăng ký hoạt động in (cấp tỉnh) (Mã số: 2.001740)

a. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc

b. Lưu đồ giải quyết:

Các bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (05 ngày làm việc)	Phí, lệ phí
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức, cá nhân	Bộ phận nhận hồ sơ của Sở VH TTDL	1/4 giờ làm việc	Không
Bước 2	Thẩm định, giải quyết hồ sơ <i>(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có có văn bản thông báo cụ thể)</i>	Phòng Quản lý Báo chí và Xuất bản	3.5 ngày làm việc	
Bước 3	Phê duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Phòng	0.5 ngày làm việc	
Bước 4	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở VH TTDL	0.5 ngày làm việc	
Bước 5	Nhận và trả kết quả cho cá nhân/tổ chức	Bộ phận trả chuyển hồ sơ Sở VH TTDL	1/4 giờ làm việc	

3. Thủ tục xác nhận thay đổi thông tin đăng ký hoạt động in (cấp tỉnh) (Mã số: 2.001737)

a. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc

b. Lưu đồ giải quyết:

Các bước	Trình tự thực hiện	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (05 ngày làm việc)	Phí, lệ phí
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức, cá nhân	Bộ phận nhận hồ sơ của Sở VHTTDL	1/4 giờ làm việc	Không
Bước 2	Thẩm định, giải quyết hồ sơ <i>(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có có văn bản thông báo cụ thể)</i>	Phòng Quản lý Báo chí và Xuất bản	3.5 ngày làm việc	
Bước 3	Phê duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Phòng	0.5 ngày làm việc	
Bước 4	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở VHTTDL	0.5 ngày làm việc	
Bước 5	Nhận và trả kết quả cho cá nhân/tổ chức	Bộ phận trả chuyển hồ sơ Sở VHTTDL	1/4 giờ làm việc	

D. SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CẤP XÃ

VI. LĨNH VỰC XUẤT BẢN, IN VÀ PHÁT HÀNH

4. Thủ tục xác nhận đăng ký hoạt động in (cấp xã) (Mã số: 3.000569)

a. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc

b. Lưu đồ giải quyết:

Các bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (05 ngày làm việc)	Phí, lệ phí
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức, cá nhân	Bộ phận nhận hồ sơ UBND cấp xã	1/4 giờ làm việc	Không
Bước 2	Thẩm định, giải quyết hồ sơ <i>(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có có văn bản thông báo cụ thể)</i>	Phòng chuyên môn	04 ngày làm việc	

Bước 3	Phê duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Phòng chuyên môn	1/4 ngày làm việc	
Bước 4	Ký duyệt	Lãnh đạo Phòng chuyên môn thừa lệnh Lãnh đạo UBND cấp xã ký	1/4 ngày làm việc	
Bước 5	Nhận và trả kết quả cho cá nhân/tổ chức	Bộ phận trả chuyển hồ sơ UBND cấp xã	1/4 giờ làm việc	

5. Thủ tục xác nhận thay đổi thông tin đăng ký hoạt động in (cấp xã) (Mã số: 3.000570)

a. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc

b. Lưu đồ giải quyết:

Các bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (05 ngày làm việc)	Phí, lệ phí
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức, cá nhân	Bộ phận nhận hồ sơ UBND cấp xã	1/4 giờ làm việc	Không
Bước 2	Thẩm định, giải quyết hồ sơ <i>(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có có văn bản thông báo cụ thể)</i>	Phòng chuyên môn	04 ngày làm việc	
Bước 3	Phê duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Phòng chuyên môn	1/4 ngày làm việc	
Bước 4	Ký duyệt	Lãnh đạo Phòng chuyên môn thừa lệnh Lãnh đạo UBND cấp xã ký	1/4 ngày làm việc	
Bước 5	Nhận và trả kết quả cho cá nhân/tổ chức	Bộ phận trả chuyển hồ sơ UBND cấp xã	1/4 giờ làm việc	